|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| logo HANOI-AMSTERDAM.JPG  Ảnh 3x4 | **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  **MÃ HỒ SƠ**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÀ NỘI - AMSTERDAM**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_­­­­­­­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |
|  |  |
|  | | **ĐƠN XIN DỰ XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÀ NỘI –AMSTERDAM**  **NĂM HỌC 2018 - 2019** | |

**I. THÔNG TIN HỌC SINH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| HỌ VÀ TÊN HỌC SINH |  | **GIỚI TÍNH:** | **NAM** |  | **NỮ** |  |

*(Viết chữ IN HOA )*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NGÀY THÁNG NĂM SINH | **/ /** | | **NƠI SINH** |  | **DÂN TỘC** |  |
| *(Ghi đúng theo giấy khai sinh)* | | | *(Ghi tên Tỉnh, Thành phố)* | | | |
| HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ | |  | | | | |
| *(Ghi đúng theo sổ hộ khẩu)* | |  | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ:** |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **QUẬN (HUYỆN)** |  | **TRƯỜNG TIỂU HỌC** | **LỚP** | |
|  |  |  |  | 5 |

**II. KẾT QUẢ** *(Hạnh kiểm: HK; Học lực: HL; Đánh giá học tập: ĐGHT; Năng lực: NL; Phẩm chất: PC; Điểm kiểm tra định kỳ cuối năm: KTĐKCn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **LỚP 1** | | **LỚP 2** | | | **LỚP 3** | | | **LỚP 4** | | | **LỚP 5** | | |
| **HK** | **HL** | **ĐGHT** | **NL** | **PC** | **ĐGHT** | **NL** | **PC** | **ĐGHT** | **NL** | **PC** | **ĐGHT** | **NL** | **PC** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐIỂM** *(KTĐKCn)* | **LỚP 1**  **(Hệ số 2)** | **LỚP 2**  **(Hệ số 2)** | **LỚP 3**  **(Hệ số 2)** | **LỚP 4**  **(Hệ số 1)** | **LỚP 5**  **(Hệ số 1)** | **TỔNG ĐIỂM**  **KẾT QUẢ 5 NĂM** |
| **TOÁN** |  |  |  |  |  |  |
| **TIẾNG VIỆT** |  |  |  |  |  |
| **KHOA HỌC** |  |  |  |  |  |
| **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ** |  |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM**  **MỖI NĂM** |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **DIỆN ƯU TIÊN:** |  |  | **ĐIỂM ƯU TIÊN:** |  |
| *(Ghi ký hiệu diện ưu tiên)* |  |  |  |  |
| **GIẢI THƯỞNG CAO NHẤT:** |  |  | **ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH** |  |
| *(Đạt được trong 5 năm học – Ghi ký hiệu giải)* | |  |  |  |
|  | |  | **TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN:** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC:**  *(Đạt được từ lớp 1 đến lớp 5)* | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Tổng số bằng khen, giải thưởng từ lớp 1 đến lớp 5** (*ghi rõ bằng số và bằng chữ*): ....…………………

.......................................................................................................................................................................

CMHS và HS cam đoan các thông tin cung cấp trong đơn xin dự xét tuyển vào lớp 6 trên là đúng sự thật. Nếu không đúng, CMHS và HS sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành và hủy kết quả trúng tuyển.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Ngày........tháng 6 năm 2018* |
| **CHA (MẸ) HỌC SINH** |  | **HỌC SINH** |
| *(Ký và ghi họ tên)* |  | *(Ký và ghi họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN KHAI ĐƠN DỰ XÉT TUYỂN**

**I. Mục thông tin học sinh :**

- Ghi đầy đủ thông tin cá nhân của học sinh (Họ tên, ngày sinh, giới tính, nơi sinh, hộ khẩu, trường tiểu học, dân tộc, số điện thoại ....)

**II. Mục Kết quả:**

**- Ghi rõ các mục trong ô trống theo đúng ký hiệu:** Hạnh kiểm (HK): Thực hiện đầy đủ (ghi: THĐĐ), thực hiện chưa đầy đủ (ghi: THCĐĐ); Học lực (HL): Giỏi (Khá), Đánh giá học tập (ĐGHT): Đạt (chưa đạt); Năng lực (NL): Đạt (chưa đạt); Phẩm chất (PC): Đạt (chưa đạt); Điểm kiểm tra định kỳ cuối năm (KTĐKCn), **tổng điểm mỗi năm** theo hệ số, tổng điểm kết quả trong 5 năm, tổng điểm xét tuyển.

**- Diện ưu tiên:** Ghi ký hiệu, ghi rõ điểm cộng ưu tiên (HS được hưởng mức cao nhất nếu trong diện hưởng nhiều mức ưu tiên).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng hưởng điểm ưu tiên** | **Điểm UT** | **Ký hiệu** |
| 1 | Con liệt sĩ. | **5** | **LS** |
| 2 | Con Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động **từ 81% trở lên**; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”. | **4** | **TB1** |
| 3 | Con Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động **từ 61% đến 80%** ; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”. | **3** | **TB2** |
| 4 | Con Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động **từ 41% đến 60%** ; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 61%”. | **2** | **TB3** |
| 5 | Con các cán bộ, chiến sỹ đang công tác tại biên giới, hải đảo (có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị nơi bố hoặc mẹ hiện tại đang công tác). | **2** | **BG, HĐ** |
| 6 | Con Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động **từ 21% đến 40%;** Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 41%”. | **1** | **TB4** |
| 7 | Con người dân tộc thiểu số. | **1** | **DT** |

**- Mục giải thưởng cao nhất đạt được trong 5 năm:** Chỉ ghi giải cao nhất (Ví dụ: Giải nhất Quốc gia: Ghi đúng ký hiệu QG1), ghi rõ điểm khuyến khích được cộng.

- **Mục các giải thưởng khác**: Ghi rõ các bằng khen, giải thưởng từ lớp 1 đến lớp 5 vào các ô trống theo đúng ký hiệu (Ví dụ: BKTP, QG1, TP3...) và nộp bản photocopy bằng khen, chứng nhận (cấp quận trở lên) kèm theo đơn.

**- Cách ghi ký hiệu và quy đổi điểm khuyến khích***:* Bằng khen các cấp, giải thưởng cá nhân (đồng đội) trong các cuộc thi, Olympic quy định tại Công văn số 3035/SGD&ĐT-QLT về thông tin các cuộc thi, Olympic dành cho học sinh phổ thông ban hành ngày 10 tháng 8 năm 2016; Công văn số 4520/SGD&ĐT-QLT về thông tin các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018 ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2017.

**Lưu ý**: Các loại giải thưởng nhận huy chương được tính tương đương như sau: Vàng (Nhất); Bạc (Nhì); Đồng (Ba). Học sinh đạt nhiều giải thưởng trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng 01(một) mức cộng điểm áp dụng cho loại giải thưởng cao nhất.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cấp chứng nhận giải** | **Giải** | **Điểm** | **Ký hiệu** |
| **Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành phố** | Bằng khen | 2 | BKQT, BKNN, BKB, BKTP |
| **Quốc gia** | Nhất | 10 | QG1 |
| Nhì | 7,5 | QG2 |
| Ba | 5 | QG3 |
| Khuyến khích | 3 | QG4 |
| **Thành phố** | Nhất | 4 | TP1 |
| Nhì | 3 | TP2 |
| Ba | 2 | TP3 |
| Khuyến khích | 1,5 | TP4 |
| **Quận** | Nhất | 2 | QH1 |
| Nhì | 1,5 | QH2 |
| Ba | 1 | QH3 |
| Khuyến khích | 0,5 | QH4 |